

Số:/...../QĐ-UBND

Bình Định, ngày.....tháng.....năm.....

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1509/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đường giao thông nông thôn bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2020 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số/...../NQ-HĐND ngày.....tháng.....năm..... của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định,

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số/TT-
SGTVT ngày.....thángnăm,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Về cơ chế hỗ trợ:

a) Bê tông hoá giao thông nông thôn:

- Đối với ngân sách tỉnh:

+ Hỗ trợ toàn bộ lượng xi măng đến công trình để xây dựng đường giao thông nông thôn, với định mức:

TT	Loại đường	Thông số kỹ thuật				Định mức hỗ trợ Xi măng/1Km (T)
		B _n (m)	B _m (m)	dày (cm)	Mác BTXM đá 2x4	
1	A	6,0	3,5	20	250	220
2	B	5,0	3,0	18	250	170

TT	Loại đường	Thông số kỹ thuật				Định mức hỗ trợ Xi măng/1Km (T)
		B _n (m)	B _m (m)	dày (cm)	Mác BTXM đá 2x4	
3	C	4,0	2,5	16	200	110
4	D	3,0	2,0	16	200	90

+ Đối với đường xã, trục chính xã với quy mô loại A, ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm 250 triệu đồng/Km đường.

+ Đối với các tuyến đường giao thông nông thôn từ trung tâm xã đến các làng, thôn, bản ở các xã có đồng bào dân tộc thiểu số, địa hình bị chia cắt, phức tạp thuộc các huyện miền núi của tỉnh, ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm, cụ thể:

- . Đối với quy mô loại A là 290 triệu đồng/Km đường;
- . Đối với quy mô loại B là 380 triệu đồng/Km đường;
- . Đối với quy mô loại C là 300 triệu đồng/Km đường;
- . Đối với quy mô loại D là 245 triệu đồng/Km đường.

- Phần kinh phí còn lại: Các địa phương tự cân đối từ các nguồn vốn hợp pháp khác để xây dựng hoàn thành công trình.

b) Hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn bị hư hỏng: Thực hiện theo Quyết định số 72/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổng hợp, đề xuất danh mục đường cần đầu tư hàng năm trình UBND tỉnh; tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật, công tác quản lý, thực hiện đầu tư và giám sát chất lượng công trình cho cán bộ cấp huyện, cấp xã; chỉ đạo lập thiết kế mẫu các loại kết cấu nền, mặt đường để áp dụng đồng loạt; phối hợp với Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra việc thực hiện ở các địa phương và đề xuất việc hỗ trợ xi măng cho từng danh mục công trình; tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện.

b) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất nguồn vốn để thực hiện Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, báo cáo UBND tỉnh.

c) Giao Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra cấp huyện, cấp xã thực hiện thanh toán, quyết toán nguồn vốn của chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn.

d) Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất cơ cấu đầu tư dự toán công trình và các biện pháp thực hiện kèm theo. Theo hướng giảm thiểu hoặc loại bỏ những chi phí có thể được nhằm làm giảm giá thành công trình một cách hợp lý, báo cáo UBND tỉnh; phối hợp kiểm tra đôn đốc tiến độ thực hiện và quản lý chất lượng công trình.

đ) Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng và đăng ký kế hoạch thực hiện hàng năm gửi về Sở Giao thông

vận tải để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh; bố trí kế hoạch vốn theo cơ cấu nguồn vốn được UBND tỉnh thông qua; chỉ đạo UBND cấp xã, các đơn vị có liên quan (là chủ đầu tư đối với các công trình tại địa phương) tổ chức thực hiện chặt chẽ, đúng quy định về công tác đầu tư xây dựng, về việc huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông ở địa phương; **chịu trách nhiệm về tính chính xác và đúng đối tượng theo quy định đối với các số liệu do địa phương đăng ký danh mục thực hiện chương trình và có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giao thông vận tải định kỳ hàng quý trong năm.**

3. Các nội dung khác: Vẫn thực hiện theo Quyết định số 72/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh.

(Chi tiết theo Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh gửi kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng....năm; điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 72/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh và thay thế Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình bê tông hoá giao thông nông thôn, giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (Báo cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh;
- Sở GTVT, TC, KHĐT;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3, K10, K12, K19.